

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bắc;

2. Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 559/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 17/9, khu phố 5, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh T; chỗ ở cuối cùng: Số 17/9, khu phố 5, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 8 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà Thẩm) trình bày:*

Bà T và ông C chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D1, huyện D, tỉnh B vào ngày 03 tháng 10 năm 2011.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc nên ông Chạy đã bỏ nhà đi ngày 27 tháng 9 năm 2015 cho đến nay không rõ tung tích. Bà T quyết định làm đơn ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Yên N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011. Bà T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Bị đơn (ông C) vắng mặt:*

Ông C vắng mặt không có lý do, Tòa án đã niêm yết tại nhà, tại trụ sở UBND thị trấn D1 và tại trụ sở Tòa án huyện D để thông báo cho ông C biết. Trong đó Tòa án đã ra quyết định số 10/2018/QĐDS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc tuyên bố ông Huỳnh Văn C mất tích.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện ông C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông C hiện có cư trú cuối cùng tại số 17/9, khu phố 5, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì ông C bỏ đi biệt tích cho đến nay. Ngày 25 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện D đã tuyên bố ông Huỳnh Văn C mất tích theo Quyết định số 10/QĐDS-ST. Hiện nay, bà T xin ly hôn với ông C.

[3] Bà T xin ly hôn ông C. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C vẫn không có mặt. Ông C đã bị tuyên bố mất tích. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011. Bà T đang nuôi con chung. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Huỳnh Thị Yến N đang sống chung với bà T. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ chưa thành niên nên tiếp tục giao cháu N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Huỳnh Văn C về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

+ Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Huỳnh Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của

con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012294 ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 11 năm 2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND TT Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn